

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 18/6/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Thùy Trang

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thái Thị Thủy Tiên

2. Bà Lữ Kim Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 169/2025/LTST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Số A, tổ C, ấp E, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* anh Lê Minh N, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Tổ H, khu phố S, thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ H, khu phố S, thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai

(Bà S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N vắng mặt không có lý do, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, năm 2015 chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lê Minh N chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do

vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, nên thường xuyên xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh N.

Quá trình chung sống anh chị có người con chung là cháu Lê Nhật N1, sinh ngày 17/01/2016, hiện đang sống cùng chị. Nay ly hôn chị S yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nhật N1 và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Minh N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

* Theo lời khai của người làm chứng là bà Lê Thị Mỹ H trình bày: Bà là mẹ ruột của anh N. Năm 2015, anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị Thu S kết hôn và về chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống anh chị có với nhau 01 con chung là cháu Lê Nhật N1, sinh ngày 17/01/2016, hiện nay cháu N1 đang sống cùng chị S tại nhà ba mẹ chị S. Anh N và chị S chung sống được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã nên từ tháng 8/2016 thì anh chị sống ly thân cho đến nay.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ và vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về nội dung: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lê Minh N là vợ chồng; về con chung giao cháu Lê Nhật N1, sinh ngày 17/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết; về án phí chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thu S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con với anh Lê Minh N nên đây là vụ kiện: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố

tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Minh N hiện cư trú tại tổ H, khu phố S, thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lê Minh N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, theo các kết quả xác minh tại UBND xã X và UBND thị trấn L thì anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật HN&GD năm 2014 không công nhận chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lê Minh N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nhật N1, sinh ngày 17/01/2016, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu trên nhận thấy: Do cháu Lê Nhật N1 có nguyện vọng ở cùng chị S, hiện vẫn sống cùng chị S từ khi anh N chị S ly thân cho đến nay, đồng thời bản thân chị S có công việc, thu nhập và nơi ổn định. Nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu Lê Nhật N1 cho chị S được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Lê Minh N không có lời khai về việc này, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Xét quan điểm của đại diện VKS huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lê Minh N là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Lê Nhật N1, sinh ngày 17/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Lê Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Minh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu S phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị S đã nộp sang án phí, theo biên lai thu tiền số 0013150 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị S đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Dương sự;
- UBND thị trấn Long Giao;
- UBND xã Xuân Quế;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trương Thị Thùy Trang